

Số: 385 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2014

- K_g - A. Minh (Phet)
- P. Đào Tạo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đề cương môn học Tiếng Anh A1

- K. T. Anh

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

11/02/14
[Signature]



Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN, ngày 26 tháng 10 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này đề cương môn học Tiếng Anh A1, mã số: FLF1105.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí và thay thế cho quyết định số 1114/QĐ-ĐT, ngày 15/4/2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, T20.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



[Signature]
Nguyễn Kim Sơn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
TIẾNG ANH A1, MÃ SỐ FLF1105

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 385 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 27 tháng 01 năm 2014
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: **Tiếng Anh A1**
- Mã môn học: **FLF1105**
- Số tín chỉ: **4**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 60 giờ tín chỉ

+ *Lí thuyết:* 25

+ *Thực hành:* 29

+ *Tự học:* 06

- Môn học: bắt buộc
- Môn học tiên quyết: không
- Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Mục tiêu môn học

3.1. Mục tiêu chung

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Hiểu được những chỉ dẫn, những biển thông báo, hoặc thông tin ở mức độ đơn giản;
- Giao tiếp trong những tình huống gần gũi với cuộc sống ở mức độ đơn giản;
- Hoàn thành những biểu mẫu đơn giản; viết bức thư ngắn và đơn giản chứa đựng những thông tin liên quan đến thời gian, ngày tháng và nơi chốn.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Về kiến thức ngôn ngữ

Ngữ âm:

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Phát âm được tuy nhiên vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ;
- Thường phải giải thích để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

Ngữ pháp

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Sử dụng được cấu trúc ngữ pháp cơ bản về các cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp hàng ngày: thông tin cá nhân, gia đình, sở thích, hỏi đáp những thông tin đơn giản;
- Sử dụng các cấu trúc câu cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

Từ vựng

Kết thúc môn học, sinh viên có thể: có đủ vốn từ để thực hiện những giao dịch đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

3.2.2. Về các kỹ năng ngôn ngữ

Kỹ năng Đọc

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Hiểu được tên, từ và những câu đơn giản, chẳng hạn những tên riêng và những cụm từ trên biển báo, biển quảng cáo, hoặc trong sách quảng cáo;
- Hiểu được các bài đọc ngắn, đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần;
- Đọc hiểu thư tín đơn giản về những chủ đề quen thuộc; đọc để tìm kiếm thông tin cụ thể và dễ nhận biết từ những tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, thực đơn, lịch trình, danh sách ...; đọc hiểu luật lệ và quy định khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản.

Kĩ năng Nghe

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Nhận ra được những từ quen thuộc và những cụm từ rất cơ bản liên quan đến bản thân, gia đình, và môi trường sống quen thuộc khi người nói chậm rãi và rõ ràng;
- Hiểu chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách chậm rãi và rõ ràng;
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn ở mức độ đơn giản.

Kĩ năng Nói

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Trao đổi ý kiến và thông tin một cách đơn giản khi người khác nhắc lại hay diễn đạt lại thông tin theo cách khác với tốc độ chậm hơn và có sự giúp đỡ khi cần thiết;
- Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản về những vấn đề xảy đến bất chợt hoặc về những chủ đề rất quen thuộc trong những tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày;
- Sử dụng những cụm từ và câu đơn giản để trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc trong những tình huống giao tiếp hàng ngày như nơi đang sinh sống, bưu điện, nhà hàng, người thân,...

Kĩ năng Viết

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Viết bưu thiếp ngắn và đơn giản như gửi lời chúc trong ngày lễ;
- Viết thư ngắn và đơn giản như thư mời dự sinh nhật, thư mời tham gia buổi dã ngoại;
- Hoàn thành biểu mẫu với thông tin cá nhân như điền tên, quốc tịch, và địa chỉ vào mẫu đơn đăng ký phòng trong khách sạn.

3.2.2. Các nhóm kĩ năng khác

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Có khái niệm và bắt đầu làm quen với làm việc theo cặp đôi và nhóm;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn học.

3.3. Mục tiêu về thái độ

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học;
- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet,...;
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà;
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp;
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên;
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

4. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các thì, thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ *to be*, thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin;
- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước;
- Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm nguyên âm trong tiếng Anh;
- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.

5. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Các tiêu mục
Nhập môn	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chương trình học (mục tiêu, nội dung, giáo trình nh, kiểm tra - đánh giá môn học) - Định hướng phương pháp học môn học tiếng Anh A1
<p>Nội dung 1</p> <p>Nice to meet you</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng ngôn ngữ: + Đọc: đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết + Nghe: nghe thông tin cụ thể điền vào mẫu + Nói: đặt câu hỏi, cung cấp thông tin cá nhân + Viết: hoàn thành mẫu đơn, viết câu về thông tin cá nhân . - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: bảng chữ cái tiếng Anh và hệ thống phiên âm quốc tế, /i:/ & /I/, /u:/ & /u/ + Ngữ pháp: động từ <i>to be</i>, đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, <i>a/an</i>, danh từ số nhiều, <i>this/that/these/those</i> + Từ vựng: số, ngày, tên nước, quốc tịch, từ để hỏi thông tin cá nhân
<p>Nội dung 2</p> <p>Cappuccino and chips</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng ngôn ngữ: + Đọc: đọc tìm ý chính cho mỗi đoạn văn, đọc tìm thông tin cụ thể + Nghe: nghe thông tin cụ thể + Nói: hỏi và đáp về thông tin cá nhân; hỏi và đáp về nghề nghiệp và công việc cụ thể + Viết: viết về gia đình Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: /a:/ & /ʌ/, /ɔ:/ & /ɒ/ + Ngữ pháp: thì hiện tại đơn, <i>a/an</i> + danh từ chỉ nghề nghiệp, tính từ sở hữu + Từ vựng: cụm động từ chỉ các hoạt động thường ngày, danh từ số nhiều bất quy tắc, danh từ chỉ nghề nghiệp, từ chỉ thành viên trong gia đình

Nội dung	Các tiêu mục
<p>Nội dung 3</p> <p>Pretty woman</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <p>+ Đọc: đọc tìm thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh</p> <p>+ Nghe: nghe thông tin chi tiết để hoàn thành câu và đoạn hội thoại</p> <p>+ Nói: miêu tả người, nói về các hoạt động thường ngày</p> <p>+ Viết: viết thư/email để kết bạn</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <p>+ Ngữ âm: /e/ & /æ/ , /ə:/</p> <p>+ Ngữ pháp: tính từ, cách nói thời gian, thì hiện tại đơn.</p> <p>+ Từ vựng: tính từ miêu tả người, từ liên quan đến các hoạt động thường ngày, <i>quite</i> và <i>very</i></p>
<p>Nội dung 4</p> <p>Wake up, get out of bed</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <p>+ Đọc: đọc tìm ý chính của đoạn văn, đọc tìm thông tin chi tiết</p> <p>+ Nghe: nghe hiểu và tìm thông tin, nghe để sắp xếp thông tin</p> <p>+ Nói: hỏi và đáp về thói quen thường ngày, thời gian yêu thích</p> <p>+ Viết: viết về một ngày yêu thích</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <p>+ Ngữ âm: /iə/, /eə/, /ei/, /ai/ , /ɔi/ , /əu/, /au/</p> <p>+ Ngữ pháp: trạng ngữ chỉ tần suất, giới từ chỉ thời gian.</p> <p>+ Từ vựng: từ và cụm từ chỉ thời gian, ngày tháng</p>
<p>Nội dung 5</p> <p>I can't dance</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <p>+ Đọc: đọc tìm ý chính và thông tin chi tiết</p> <p>+ Nghe: nghe thông tin cụ thể</p> <p>+ Nói: hỏi và đáp về khả năng của con người, sở thích, âm nhạc</p> <p>+ Viết: viết về khả năng/ sở thích của một người thân</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <p>+ Ngữ âm: /p/ & /b/, /t/ & /d/</p> <p>+ Ngữ pháp: động từ khuyết thiếu <i>can/can't</i>, động từ diễn đạt sở</p>

Nội dung	Các tiêu mục
	<p>thích (<i>like, love, ...</i>), đại từ làm tân ngữ, đại từ sở hữu</p> <p>+ Từ vựng: cụm động từ, từ chỉ các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi; các từ/cụm từ có liên quan đến tình yêu, âm nhạc, trang phục</p>
<p>Nội dung 6</p> <p>Who were they ?</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <p>+ Đọc: đọc lấy ý chính và thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh</p> <p>+ Nghe: nghe lấy ý chính, nghe thông tin chi tiết</p> <p>+ Nói: hỏi và cung cấp thông tin về các hoạt động hoàn thành trong quá khứ</p> <p>+ Viết: viết về những hành động đã làm trong quá khứ (một ngày nghỉ cuối tuần, một buổi dã ngoại, ...)</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <p>+ Ngữ âm: /k/ & /g/, /f/ & /v/</p> <p>+ Ngữ pháp: thì quá khứ đơn với <i>to be</i> và động từ theo quy tắc</p> <p>+ Từ vựng: cách thành lập danh từ từ động từ, cụm từ chỉ thời gian trong quá khứ</p>
<p>Nội dung 7</p> <p>Girls' night out</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <p>+ Đọc: đọc để lấy thông tin chính và chi tiết</p> <p>+ Nghe: nghe để lấy thông tin chi tiết</p> <p>+ Nói: hỏi và đáp về thể loại nhạc yêu thích</p> <p>+ Viết: viết về một kỳ nghỉ đã trải qua</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <p>+ Ngữ âm: /θ/ & /ð/, /s/ & /z/</p> <p>+ Ngữ pháp: thì quá khứ với động từ theo quy tắc và bất quy tắc</p> <p>+ Từ vựng: động từ <i>go, have, get</i>; động từ bất quy tắc</p>
<p>Định hướng kĩ năng làm bài thi</p>	<p>- Giới thiệu dạng bài kiểm tra số 1 và số 2</p> <p>- Luyện tập từng dạng bài và rút ra cách làm bài thi đạt kết quả cao</p> <p>- Kĩ năng tự luyện tập và khai thác thông tin</p>

Nội dung	Các tiêu mục
<p>Nội dung 8</p> <p>A house with a history</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc: đọc lướt để định vị thông tin, đọc lướt để hiểu nội dung chính + Nghe: nghe để tìm thông tin về một địa danh hoặc một người + Nói: miêu tả nơi ở và thảo luận về mối quan hệ với hàng xóm + Viết: viết bưu thiếp cho bạn bè <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngữ âm: /j/ & /ʒ/, /tj/ & /dʒ/ + Ngữ pháp: câu trúc với 'There', thời hiện tại tiếp diễn + Từ vựng: giới từ chỉ nơi chốn; mở rộng vốn từ liên quan đến miêu tả địa danh hoặc tính cách con người và các động từ chỉ hành động tốt, xấu của con người
<p>Nội dung 9</p> <p>What does your food say about you?</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc: luyện cách đọc nhanh dựa trên các thông tin hình ảnh, đọc để tìm ý chính, đọc để giải nghĩa từ + Nghe: nghe hiểu chỉ dẫn + Nói: nói một cách đơn giản về các loại thức ăn + Viết: chỉ dẫn cách làm một món ăn đơn giản theo từng bước <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngữ âm: /m/, /n/, /ŋ/, /h/ + Ngữ pháp: thời tương lai gần + Từ vựng: danh từ đếm được và danh từ không đếm được
<p>Nội dung 10</p> <p>The True False Show</p>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc: đọc lướt để định vị thông tin, hiểu nội dung chính + Nghe: nghe để lấy thông tin chính + Nói: nói về các địa danh mà bạn biết + Viết: viết thư đặt phòng khách sạn <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngữ âm: /l/, /r/, /w/, /j/

Nội dung	Các tiêu mục
	+ Ngữ pháp: so sánh với tính từ, cấu trúc câu 'would like' + Từ vựng: trạng từ và tính từ
Nội dung 11 Before you meet	- Các kĩ năng ngôn ngữ: + Đọc: đọc hiểu nội dung chính + Nghe: nghe hiểu thông tin chính + Nói: nói về một người mà bạn biết + Viết: viết về một cuốn sách hoặc một tác giả mà bạn yêu thích - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: cụm phụ âm + Ngữ pháp: tính từ dạng so sánh hơn/so sánh hơn nhất + Từ vựng: phân từ
Ôn tập	- Hệ thống toàn bộ kiến thức đã học từ đầu - Ôn lại các dạng bài theo định dạng bài thi - Lưu ý về kĩ năng làm bài thi

6. Học liệu

6.1. Học liệu bắt buộc

1. Oxenden C. & Latham - Koenig C., *New English File Elementary. Student's Book & Workbook*. Oxford: Oxford University Press, 2008.
2. Marks J., *English Pronunciation in Use. Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press, 2007.

6.2. Học liệu tham khảo

1. Richards J., *New Cutting Edge. Elementary*. Longman, 2005 (3rd Ed).
2. Soars, L. & J., *New Headway. Elementary*. Oxford: Oxford University Press, 2006 (3rd Ed).
3. Broukal, M., *Weaving it Together I*. Thompson and Heinle, 2004.
4. Nunan, D., *Listen in 1*. Oxford: Oxford University Press, 2001.

5. McCarthy, M., *English Vocabulary in Use - Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press, 1999.

6. Murphy, R., *Grammar in Use- Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press, 2003 (3rd Ed).

7. Websites

- <http://www.bbc.co.uk/vietnamese/learningenglish>
- <http://www.esolcourses.com/>
- <http://www.ihbristol.com/free-english-exercises/esol>
- <http://www.iteslj.org/links>
- <http://www.learnenglish.org.uk>
- <http://www.oup.com/elt/englishfile/elementary>
- <http://www.world-english.org>
- www.englishclub.com
- www.esl.cafe.com
- www.world-english.org

7. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức môn học		
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học
Nhập môn	2	1	0
Nội dung 1	1	1	0.5
Nội dung 2	1	1	0.5
Nội dung 3	1	1	0.5
Nội dung 4	1	1	0.5
Nội dung 5	2	2	0.5
Nội dung 6	2	2	0.5
Định hướng kĩ năng làm bài thi	2	2	0.5

Nội dung	Hình thức tổ chức môn học		
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học
Nội dung 7	2	2	0.5
Nội dung 8	2	2	0.5
Nội dung 9	2	2	0.5
Nội dung 10	2	2	0.5
Nội dung 11	2	0	0
Ôn tập	3	5	0.5
Kiểm tra	0	5	0
Tổng số	25	29	06

8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác

Sinh viên cần:

- thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- tham dự đầy đủ các buổi học và bài kiểm tra số 1 và 2; nếu sinh viên nghỉ quá 20% số buổi học sẽ không được phép tham dự bài kiểm tra kết thúc học phần;
- nộp các bài thực hành viết cho giảng viên một tuần sau khi sinh viên được giao bài;
- chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập về nhà theo hướng dẫn.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

9.1. Hình thức, mục đích, tỉ trọng các bài kiểm tra đánh giá

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Bài kiểm tra tiến độ số 1	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Ngữ pháp-Từ vựng- Đọc hiểu	20 %
Bài kiểm tra tiến độ số 2	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nói, trình bày ý tưởng và thảo luận.	20 %
Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nghe-Đọc-Viết.	60 %

Chú ý:

- Điểm môn học quy về thang điểm 10. Có thể lấy điểm lẻ, làm tròn đến 1 số thập phân. Ví dụ 7.3.

- Dạng thức của bài kiểm tra tiến độ và bài kiểm tra kết thúc học phần theo quy định của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.2. Lịch thi, kiểm tra

STT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian
1	Bài kiểm tra tiến độ số 1	Tuần 8
2	Bài kiểm tra tiến độ số 2	Tuần 12
3	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Từ 1 - 4 tuần sau khi kết thúc môn học